TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ XUYÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08/03/2022
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Đỗ Quang Huy và Nguyễn Trùng Dương.

- Ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền -Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên toà: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 08 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị T, sinh năm 2001*;* HKTT: Thôn H, xã P, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1992; HKTT và cư trú: Thôn L, xã P, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội.

Chị T có mặt; anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Thị T trình bày:

Chị kết hôn với với anh Nguyễn Đức H ngày 23/4/2021 là hôn nhân tự nguyện tiến bộ và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội. Sau khi kết hộn, vợ chồng về chung sống với gia đình anh H ở thôn L, xã P. Quá trình chung sống, ngay từ những ngày đầu vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, anh H vốn bản tính ham chơi, không tu chí làm ăn, hay nghe người ngoài, không tự chủ được bản thân...thường xuyên chì chiết, xúc phạm, mỗi tuần có ít nhất một lần chị bị anh H đánh đập thậm tệ. Sự việc kéo dài được khoảng 02 tháng thì chị không chịu đựng nổi phải nhờ bố mẹ đẻ xin về nhà đẻ ở một thời gian. Sau khi anh H và gia đình đến xin lỗi, chị chấp nhận quay về chung sống nhưng anh Hoàn vẫn chứng nào tật ấy, tiếp tục khóa nhốt và đánh đập chị. Tháng 12/2021, khi bố mẹ chị đến xin cho chị tạm lánh về nhà đẻ thì anh H và gia đình tuyên bố giao trả chị về bên ngoại, vợ chồng chính thức không còn liên hệ gì từ đó đến nay.

Do suốt ngày bị hành hạ, đánh đập, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, hôn nhân chỉ còn là hình thức nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung, bản thân chị đến nay cũng không có hiện tượng thai nghén gì nên không yêu cầu Tòa xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Đức H trình bày như sau:

Anh H xác nhận điều kiện kết hôn, thời gian chung sống đúng như chị T trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô sát... nguyên nhân do chị T cư xử kém, không thông cảm và chia sẻ với anh trong công việc cũng như trong cuộc sống. Mỗi lần cãi vã, chị T lại bỏ về nhà đẻ, bố mẹ chị T không những không khuyên răn mà ngược lại còn chứa chấp, dung túng khiến mâu thuẫn vợ chồng và mẫu thuẫn giữa hai gia đình ngày càng trầm trọng. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay, mặc dù vẫn để cửa để chị T quay về nhưng do phía chị T không biết nắm bắt cơ hội mà lại còn xin ly hôn anh thì anh cũng dứt tình, không níu kéo mà đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết đơn phương theo đơn ly hôn của chị T.

Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, cũng không nợ nần ai nên anh không yêu cầu Tòa xét.

UBND xã P nơi cư trú của các đương sự có quan điểm:

Mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, nguyên nhân phần do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, nghi ngờ lẫn nhau… phần do mâu thuẫn mẹ chồng con dâu khiến vợ chồng thường xuyên va chạm, xô sát. Phía chị T cũng đã 02 lần bỏ về nhà đẻ, ly thân với anh H, hai bên gia đình cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng đều không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức không thể khắc phục, hôn nhân chỉ còn là hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị T được ly hôn anh H;

Vợ chồng chưa có con chung; các vấn đề về tài sản chung, công nợ chung UBND xã không nắm rõ nhưng chưa thấy có tranh chấp gì về tài sản, công nợ liên quan đến vợ chồng T, H.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị T được ly hôn anh H; Các vấn đề về tài sản chung và công nợ chung do các bên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án về tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do nơi cư trú của bị đơn thuộc xã P, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Chị Lê Thị T kết hôn với anh Nguyễn Đức H là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/4/2021 tại UBND xã P, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, ngay từ những ngày đầu vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, nghi ngờ lẫn nhau cộng với mâu thuẫn mẹ chồng con dâu, mâu thuẫn giữa hai bên gia đình... khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, xô xát. Vợ chồng đã ly thân nhiều lần, lần gần đây nhất là từ tháng 12/2021 đến nay.

Do tình cảm không còn, phía chị T có đơn xin ly hôn; Phía anh H cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng thường xuyên xô sát, vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay, gia đình anh cũng đã tạo điều kiện nhưng phía chị T đã không biết nắm bắt cơ hội mà còn làm đơn xin ly hôn anh nên anh cũng dứt tình, không níu kéo mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa hôm nay, phía chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai phía đều có chung nhận thức tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được, hôn nhân chỉ là hình thức... nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoa là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xét.

[4].Về tài sản chung, công nợ chung: Các bên đều xác định không có tài sản chung, không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo*:*

Chị T phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các bên có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đức H.

2. Về con chung: Chưa có nên không xét

3. Về tài sản chung: Các bên không đề nghị Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2020/0047709 ngày 13/01.2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ;

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội
- VKSND huyện Phú Xuyên
- Chi cục THA huyện Phú Xuyên
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phùng Văn Phong